

Bản án số: 96/2020/HS-ST

Ngày: 15 - 9 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Hoàng Văn Đích

Bà: Dương Thị Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2020/TLST-HS, ngày 20/7/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2020/QĐXXST-HS ngày 06/8/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Ngô Quang D**, (Tên gọi khác: Ngô Văn D), sinh năm 1991. Nơi thường trú: Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Quang V (Đã chết) và bà Phạm Thị M; chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 27/9/2011 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 24 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Ngày 09/6/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/5/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Nông Mạnh T**, tên gọi khác: Không, sinh năm 1989. Nơi thường trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn S và bà Đào Thị T; chưa có vợ con; tiền sự: Không.

Tiền án:

Ngày 23/5/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 12 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”.

Ngày 09/6/2016 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 42 tháng tù về tội “Cướp tài sản”.

Nhân thân: Ngày 30/7/2015 bị cáo bị Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/5/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại:*

Anh Lê Văn H, sinh năm 1983

Nơi thường trú: Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Anh Nguyễn Quốc H, sinh năm 1982

Nơi thường trú: Phố C, xã K, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đào Thị T, sinh năm 1967.

Nơi thường trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Nông Văn S, sinh năm 1965.

Nơi thường trú: Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 phút ngày 06/5/2020 Nông Mạnh T, sinh năm 1989 trú tại Xóm V, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên điều khiển xe mô tô loại xe cup màu đỏ trắng BKS 29-644.M5 (xe do T mượn của anh Nguyễn Quốc H) đến nhà Ngô Quang D, sinh năm 1991, trú tại Xóm T, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên để rủ D đi trộm cắp tài sản. D đồng ý, sau đó T đèo D đi lang thang với mục đích xem nhà ai có tài sản gì sơ hở thì trộm cắp. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày khi D và T đến khu vực Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thì phát hiện tại sân nhà anh Lê Văn H, sinh năm 1983 có một chiếc xe đạp (loại xe địa hình của trẻ em) không có ai trông coi nên D và T đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe trên để bán lấy tiền tiêu sài. Để thực hiện hành vi T dừng xe ở ngoài còn D đi vào sân nhà anh H, dùng tay nhấc chiếc xe đạp đi ra đặt lên trên

yên xe kẹp giữa T và D, rồi T chở D cùng chiếc xe đạp đi qua ngã tư La Lẻ về hướng xã T. Lúc này anh H đang ngồi uống nước cạnh rìa đường nhìn thấy T và D chở chiếc xe đạp đi qua, anh H nhận ra đây là xe đạp của nhà mình nên đã điều khiển xe mô tô áp sát phía sau bên trái D đồng thời dùng tay giữ được vào chiếc xe đạp khiến D và chiếc xe đạp đổ ngã ra đường, còn T tiếp tục điều khiển xe mô tô bỏ chạy về hướng xã T. Sau đó anh H cùng một số người dân giữ D lại và trình báo đến Công an xã T giải quyết.

Ngày 06/05/2020 anh Lê Văn H đã làm đơn trình báo đến Công an xã T, huyện P đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24/KL-ĐG ngày 07/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện P kết luận 01 chiếc xe đạp, loại xe địa hình dành cho trẻ em, nhãn hiệu Avibus, cũ đã qua sử dụng có giá trị 800.000 đồng.

Ngày 11/5/2020 Nông Mạnh T tự giác đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Tại cơ quan điều tra Ngô Quang D, Nông Mạnh T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn H xác định đã được nhận lại tài sản là chiếc xe đạp loại xe địa hình của trẻ em và không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì thêm.

Tại Bản cáo trạng số 89/CT-VKSPB, ngày 17/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Ngô Quang D, Nông Mạnh T về tội: “Trộm cắp tài sản”, theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, trong phần tranh luận vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P đã trình bày lời luận tội và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Quang D, Nông Mạnh T đều phạm tội: “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Nông Mạnh T và Ngô Quang D (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Mạnh T). Xử phạt bị cáo Ngô Quang D từ 15 đến 18 tháng tù; xử phạt bị cáo Nông Mạnh T từ 15 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Văn H là bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) đôi dép lê màu nâu đen có chữ “ASIA” đã qua sử dụng, 01 (một) quần dài màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay đã qua sử dụng được niêm phong trong thùng caton ký hiệu B; 01 (một) mũ bảo hiểm màu

xanh có quai màu đen đã bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 (một) áo sơ mi dài tay được niêm phong trong thùng catton ký hiệu C.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29-644.M5 quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu của chiếc xe mô tô trên. Do đó cần giao cho Công an huyện P tiếp tục điều tra làm rõ nguồn gốc và xử lý theo quy định đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29-644.M5 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Minh Phương.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước và được quyền kháng cáo theo quy định.

Trong phần tranh luận, các bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là không oan, đúng người, đúng tội, các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản sự việc, phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; người làm chứng; kết luận định giá và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/5/2020, tại nhà anh Lê Văn H thuộc Xóm L, xã T, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, Ngô Quang D và Nông Mạnh T là những người đã có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe đạp loại xe địa hình dành cho trẻ em có giá trị 800.000 đồng của anh Lê Văn H. Khi D và T đang trên đường mang tài sản đi tiêu thụ thì bị anh H phát hiện bắt giữ cùng vật chứng và trình báo cơ quan Công an giải quyết theo quy định.

Tuy giá trị chiếc xe đạp mà các bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng các bị cáo đều có tiền án về tội cướp tài sản nên hành vi nêu trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được

quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a)...

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự của địa phương. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, giữa các bị cáo không có sự tổ chức, bàn bạc, phân công nhiệm vụ cụ thể mà cùng thực hiện tội phạm. Trong vụ án này Nông Mạnh T là người khởi xướng, rủ rê Ngô Quang D phạm tội, còn Ngô Quang D là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, khi D lấy được tài sản thì hai bị cáo cùng đem tài sản đi tiêu thụ.

Về nhân thân đối với các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo D, T đều có nhân thân xấu. Bị cáo Ngô Quang D vào các ngày 27/9/2011 và ngày 09/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên kết án về các tội danh “Cố ý gây thương tích” và “Cướp tài sản”. Bị cáo Nông Mạnh T vào các ngày 23/5/2014 và ngày 09/6/2016 bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên kết án về các tội danh “Hủy hoại tài sản” và “Cướp tài sản”, những lần kết án này đối với các bị cáo đều chưa được xóa án tích, tuy nhiên lần kết án của các bị cáo đã được sử dụng làm tình tiết định khung nên không được coi là tình tiết tăng nặng. Ngoài ra bị cáo T vào ngày 30/7/2015 còn bị Công an huyện P, tỉnh Thái Nguyên xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình để cải tạo, sửa chữa và tu dưỡng thành người công dân tốt mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải nên cả hai bị cáo đều được hưởng các tình tiết

giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra quá trình điều tra bị cáo T ra đầu thú nên bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo không ai phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào được quy định tại Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Xét thấy, cần có một mức án tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ tội phạm mà các bị cáo gây ra, cần thiết cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xác minh lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc xe đạp, loại xe địa hình dành cho trẻ em, nhãn hiệu Avibus do các bị cáo trộm cắp của anh Lê Văn H đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu hồi, trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lê Văn H quản lý, sử dụng. Anh Lê Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu bồi thường đề nghị gì thêm. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh Nguyễn Quốc H là người đã cho bị cáo Nông Mạnh T mượn chiếc xe mô tô màu sơn đỏ trắng BKS 29- 644.M5, tuy nhiên khi cho mượn anh Huy không biết bị cáo T sẽ dùng chiếc xe làm phương tiện đi trộm cắp tài sản, tại phiên tòa anh Huy đề nghị được xin lại chiếc xe để làm phương tiện đi lại. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình điều tra chưa xác định được nguồn gốc chiếc xe, Cơ quan điều tra đã ra thông báo truy tìm chủ sở hữu của chiếc xe mô tô trên nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó cần giao cho Cơ quan Công an huyện P xem xét giải quyết theo quy định đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29-644.M5 kèm theo 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Minh Phương.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo như đề nghị về tội danh, điều luật áp dụng, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí là có căn cứ và cơ bản phù hợp với quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng như sau:

Cần tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) đôi dép lê màu nâu đen có chữ “ASIA” đã qua sử dụng, 01 (một) quần dài màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay đã qua sử dụng được niêm phong trong thùng caton ký hiệu B; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh có quai màu đen đã bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 (một) áo sơ mi dài tay được niêm phong trong thùng catton ký hiệu C.

Giao cho Cơ quan Công an huyện P xem xét giải quyết theo quy định đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29-644.M5, xe màu sơn đỏ, xe không có gương cH hậu cả hai bên, số khung C70-8413747, số máy C70E-8561034, dung tích xi lanh 70, đăng ký ngày 27/02/1991 do Công an thành phố Hà Nội cấp, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sầm lớp bên ngoài và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Minh Phương.

[8] Quyết định tạm giam các bị cáo sau khi tuyên án: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự, ra Quyết định tạm giam các bị cáo Nông Mạnh T, Ngô Quang D mỗi bị cáo với thời hạn là 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[9] Trong vụ án này còn có anh Nguyễn Quốc H là người đang sử dụng chiếc xe mô tô BKS 29-644.M5 cho T mượn dùng làm phương tiện phạm tội, tuy nhiên trong quá trình mượn xe T không nói và hứa hẹn gì cho anh Huy biết việc T dùng chiếc xe này cùng D để đi trộm cắp tài sản, anh Huy cũng không biết T dùng chiếc xe trên vào mục đích gì nên không có căn cứ để xử lý đối với anh Huy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[11] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo Ngô Quang D (tên gọi khác: Ngô Văn D) và Nông Mạnh T (Áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nông Mạnh T). Khoản 2 Điều 136; Điều 106; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Quang D (Tên gọi khác: Ngô Văn D) và Nông Mạnh T đều phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt chính:

Xử phạt bị cáo Ngô Quang D (Tên gọi khác Ngô Văn D) **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 08/5/2020.

Xử phạt bị cáo Nông Mạnh T **18** (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/5/2020.

3. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp:

Tịch thu tiêu hủy những vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 (một) đôi dép lê màu nâu đen có chữ “ASIA” đã qua sử dụng; 01 (một) quần dài màu đen đã qua sử dụng; 01 (một) áo sơ mi dài tay đã qua sử dụng được niêm phong trong thùng caton ký hiệu B; 01 (một) mũ bảo hiểm màu xanh có quai màu đen đã bị vỡ thành nhiều mảnh; 01 (một) áo sơ mi dài tay được niêm phong trong thùng catton ký hiệu C.

Giao cho Cơ quan Công an huyện P xem xét giải quyết theo quy định đối với: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda BKS 29-644.M5, xe màu sơn đỏ, xe không có gương cH hậu cả hai bên, số khung C70-8413747, số máy C70E-8561034, dung tích xi lanh 70, đăng ký ngày 27/02/1991 do Công an thành phố Hà Nội cấp, khi giao nhận xe không kiểm tra các bộ phận bên trong xe và sầm lốp bên ngoài và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Minh Phương.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/7/2020 giữa Công an huyện P và Chi cục thi hành án dân sự huyện P).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Nông Mạnh T và Ngô Quang D (Tên gọi khác: Ngô Văn D) mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt các bị cáo Nông Mạnh T và Ngô Quang D (Tên gọi khác: Ngô Văn D); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Nguyễn Quốc H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt bị hại anh Lê Văn H, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND huyện P;
- Cơ quan điều tra CA huyện P;
- CQTHAHS Công an huyện P;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CC T.H.A DS huyện P;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Giang